

Bản án số: 70/2019/KDTM-ST  
Ngày: 20-8-2019  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Khưu Hán Quang;
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Việt Anh – Kiểm sát viên

Trong các ngày 13 và 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H; địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố H. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền – có mặt.

*2. Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn X; địa chỉ: đường D, Phường 4, Quận 11, Thành phố H. Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn S là người đại diện theo ủy quyền – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Vận tải X1; Địa chỉ trụ sở chính: đường L, Phường 17, quận G, Thành phố H. Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Ngọc T – Giám đốc; địa chỉ: Ấp, xã T, thị xã L, tỉnh Đ - là người đại diện theo pháp luật- có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Văn T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (gọi tắt là Công ty X) có ký hợp đồng mua bán thép số 170315-1/HĐKT2017 ngày 15/3/2017 với tổng số tiền là 8.790.000.000đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã đặt cọc số tiền 879.000.000đồng.

Theo quy định tại Mục 3.1 Điều 3 của hợp đồng: “Sau khi bên A nhận được tiền cọc sẽ giao hàng trong vòng 70 ngày. Nếu sau 70 ngày bên A vẫn chưa giao hàng cần trả lại tiền cọc. Bồi thường một lần tiền cọc”. Đến ngày 05/6/2017, Công ty X mới giao hàng cho Công ty H mà không hề có bất cứ văn bản nào giải thích việc giao hàng không đúng thời hạn, vì vậy Công ty H đã từ chối nhận hàng.

Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty X trả lại số tiền đặt cọc tương đương 10% giá trị hợp đồng mua bán theo ngày 15/3/2017 và bồi thường tiền đặt cọc theo quy định, tổng số tiền là 1.758.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, công ty H đồng ý trả số tiền còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền vận chuyển là 180.000.000đồng do bị đơn yêu cầu trả thì nguyên đơn không đồng ý vì lỗi do bị đơn giao hàng trễ nên bị đơn phải chịu.

\* Trong Đơn phản tố ngày 01 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn Sinh trình bày:

Công ty X có ký 02 hợp đồng mua bán thép với Công ty H, cụ thể bao gồm Hợp đồng kinh tế số 170315-1/HĐKT2017 ngày 15/3/2017 (gọi tắt là Hợp đồng số 1) và Hợp đồng kinh tế số 170329-1/HĐKT2017 ngày 29/3/2017 (gọi tắt là Hợp đồng số 2).

Đối với Hợp đồng số 1, công ty X thừa nhận đã nhận số tiền đặt cọc là 879.000.000đồng từ công ty H. Công ty X thừa nhận có giao hàng không đúng thời hạn theo hợp đồng. Công ty X đã thông báo cho Công ty H và đã giao hàng vào ngày 05/6/2017 nhưng công ty H không nhận hàng và cũng không thanh toán tiền. Việc Công ty X giao hàng trễ là do Công ty H không thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng số 2.

Đối với Hợp đồng kinh tế số 170329-1/HĐKT2017 ngày 29/3/2017, các bên đã thực hiện xong hợp đồng, tuy nhiên Công ty H chưa thanh toán cho Công ty X số tiền 1.789.479.033 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H, Công ty X đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của Công ty H.

Ngày 01/11/2017, Công ty X có đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty H thanh toán các khoản tiền sau:

- Số tiền 1.789.479.033 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 170329-1/HĐKT2017 ngày 29/3/2017;

- Tiền vận chuyển do Công ty H không nhận hàng là 180.000.000 đồng;
- Tiền lãi do chậm thanh toán các khoản tiền trên theo lãi suất quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng theo quy định của pháp luật, tạm tính đến ngày 20/3/2019 là 530.971.134 đồng.

Tổng cộng: 2.500.450.167 đồng.

Tại Bản tự khai đề ngày 10/7/2019, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Ngọc T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Vận tải X1 (gọi tắt là Công ty vận tải x1) và Công ty X ký hợp đồng nguyên tắc dịch vụ giao nhận hàng hóa và thủ tục hải quan số 01/2017/GL-XY. Nội dung của hợp đồng trên là công ty Vận tải X1 sẽ thực hiện thủ tục hải quan cũng như thực hiện toàn bộ việc vận chuyển hàng hóa sau nhập khẩu tới khi của công ty H.

Ngày 05/6/2019, Công ty Vận Tải X1 đã vận chuyển lô hàng thép cuộn 600.000kg đến kho của Công ty H tại địa chỉ thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

Tuy nhiên khi vận chuyển hàng đến nơi thì Công ty H không nhận hàng, do đó Công ty X phải trả chi phí cho Công ty Vận Tải X1 là 180.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thì phía Công ty Vận Tải X không có ý kiến gì. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời yêu cầu Tòa án tính thêm số tiền lãi trên tiền đặt cọc mà bị đơn phải trả từ ngày 30/8/2017 đến ngày 30/7/2018 là 176.000.000 đồng,

Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và ý kiến tại bản tự khai, các biên bản hòa giải. Đối với số tiền lãi trên tiền đặt cọc nguyên đơn yêu cầu thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bảo lưu ý kiến tại bản tự khai ngày 05/6/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, thông báo, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; việc tổng đạt giấy triệu tập xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát được thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo thời hạn thụ lý, thời hạn tạm ngưng phiên tòa và việc ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 195, khoản 2 Điều 159 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H buộc công ty X thanh toán số tiền đặt cọc 879.000.000 đồng và bồi thường tiền đặt cọc theo quy định, tổng số tiền là 1.758.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền 1.789.479.033 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 15/5/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X đối với tiền vận chuyển do Công ty Hữu Gia Phát không nhận hàng là 180.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty Trách nhiệm hữu hạn X. Bị đơn có trụ sở tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền đặt cọc 879.000.000 đồng và bồi thường tiền đặt cọc theo quy định, tổng số tiền là 1.758.000.000 đồng. Hợp đồng số 170315-1/HĐKT2017 ngày 15/3/2017 là sự giao kết trên tinh thần tự nguyện của các bên và phù hợp với pháp luật nên được thừa nhận. Căn cứ Mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng số 170315-1/HĐKT2017 ngày 15/3/2017: “... Sau khi bên A nhận được tiền cọc sẽ giao hàng trong vòng 70 ngày. Nếu sau 70 ngày bên A vẫn chưa giao hàng cần trả lại tiền cọc. Bồi thường một lần tiền cọc ...”. Đại diện bị đơn cũng xác nhận việc giao hàng trễ so với quy định hợp đồng và không gặp trường hợp bất khả kháng. Mặt khác, bị đơn khai đã thông báo cho nguyên đơn về việc giao hàng trễ, tuy nhiên việc thông báo qua điện thoại không có văn bản và bị đơn cũng không chứng minh được việc mình thông báo cho nguyên đơn việc giao hàng trễ. Căn cứ Điều 37 Luật thương mại 2005 quy định “Các bên phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng”, các bên đã thỏa thuận giao hàng trong vòng 70 ngày từ khi ký kết hợp đồng nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Bị đơn yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền 1.789.479.033 đồng còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 170329-1/HĐKT2017 ngày 29/3/2017. Nguyên đơn cũng thừa nhận còn nợ lại số tiền trên và đồng ý trả. Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 1.789.479.033 đồng.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả thêm số tiền lãi trên tiền đặt cọc mà bị đơn phải trả từ ngày 30/8/2017 đến ngày 30/7/2018 là 176.000.000 đồng. Đại diện nguyên đơn cho rằng đây là yêu cầu phát sinh do phía bị đơn chậm trả tiền nên không cần thiết phải có đơn bổ sung

nội dung đơn khởi kiện và đóng tiền tạm ứng án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc thay đổi, bổ sung yêu cầu trên của nguyên đơn vì vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[5] Đối với yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn thanh toán tiền vận chuyển do nguyên đơn không nhận hàng là 180.000.000đồng. Xét thấy, bị đơn đã giao hàng không đúng thời hạn so với quy định Hợp đồng số 170315-1/HĐKT2017 ngày 15/3/2017. Bị đơn đã vi phạm Hợp đồng số 1 và nguyên đơn cũng không có động thái nào về việc tiếp nhận số hàng trên; do đó, quá trình thực hiện việc giao nhận hàng giữa các bên đã chấm dứt kể từ ngày 05/5/2017, nguyên đơn không có nghĩa vụ đối với số hàng đã mua theo Hợp đồng số 1. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán các khoản tiền trên theo lãi suất quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận mức lãi suất này. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tự nguyện lấy mức thấp nhất của lãi suất quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng. Mức lãi suất thấp nhất theo Công văn số 1726/CV-HCM.TH ngày 02/4/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 8,8%/năm; Công văn số 1095/CNTPHCM-KHTH ngày 03/4/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 9%/năm; Công văn số 229/TB-BIDV.HCM ngày 12/4/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 7,7%, lãi suất quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng là  $(8,8 + 9 + 7,7)/3 \times 150\% = 12,75\%$

Tiền lãi đối với số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 170329-1/HĐKT2017 ngày 29/3/2017, tạm tính đến ngày xét xử là 1.789.479.033 đồng x 12,75%/năm x 25 tháng 5 ngày = 478.499.237 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, do yêu cầu trả số tiền còn nợ của bị đơn được chấp nhận nên yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền còn nợ được chấp nhận. Yêu cầu “Tiền vận chuyển do Công ty H không nhận hàng” của bị đơn không được chấp nhận nên không chấp nhận đối với tiền lãi đối với yêu cầu tiền vận chuyển.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại.

Yêu cầu của bị đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu phần án phí đối với yêu cầu của bị đơn được chấp nhận và bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điều a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Khoản 1 Điều 244, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 37, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H số tiền 1.758.000.000 (một tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu) đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền 2.267.978.270 (hai tỷ hai trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi) đồng, trong đó tiền gốc là 1.789.479.033 (Một tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn không trăm ba mươi ba) đồng và tiền lãi là 478.499.237 (bốn trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm ba mươi bảy) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn X buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H thanh toán tiền vận chuyển do Công ty H không nhận hàng là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.140.000 đồng (bảy mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.985.318 (ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mòi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004638 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải nộp thêm số tiền 34.154.682 (ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

3.2 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 77.359.565 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi

chín nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.370.000 (ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004518 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ H phải nộp thêm số tiền 44.989.565 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc Đoàn Tiên**